TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN GIUỘC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/LĐ – ST
Ngày: 27 - 9 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng lao động,
bảo hiểm xã hội.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tô Cẩm Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Huy, công tác tại Phòng Lao động thương binh và xã hội huyện Cần Giuộc;

2. Ông Phạm Minh Hiếu, công tác tại Liên đoàn Lao động huyện Cần Giuộc;

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Hoàng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2024/TLST- LĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng lao động và bảo hiểm xã hội, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST - LĐ, ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Tô Duyên T, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Ấp T1, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Bà Đặng Thị Kiều N, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Ấp T1, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn Túi xách S Việt Nam;

Địa chỉ trụ sở chính: Lô A, đường số B, khu công nghiệp L, xã H, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông M, chức danh: Tổng giám đốc;

2. Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An.

Địa chỉ: Số E, D, phường Y, thành phố N, tỉnh Long An.

(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Tô Duyên T trình bày:

Năm 2012, bà có cho bà Đặng Thị Kiều N, sinh ngày 22/3/1995 mượn giấy tờ tùy thân để xin việc làm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn S (Sau đây viết là Công ty S), khi đó bà N chưa đủ 18 tuổi. Công ty S có tham gia bảo hiểm xã hội cho bà N với tên của bà, theo sổ bảo hiểm xã hội mã số 8012013560 ngày 11/7/2012 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An.

Ngày 05/7/2013, bà xin việc làm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn giày F và được Công ty trách nhiệm hữu hạn Giày F tham gia bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm xã hội mã số 8013020283 ngày 04/7/2013 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An. Gần đây, bà biết bà có 02 sổ bảo hiểm xã hội trùng thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 06/2013 đến tháng 08/2013, gồm sổ bảo hiểm xã hội mã số 8012013560 và sổ bảo hiểm xã hội mã số 88013020283. Do đó, bà khởi kiện bà Đặng Thị Kiều N, yêu cầu Tòa giải quyết:

Tuyên vô hiệu Hợp đồng lao động được xác lập trên văn bản là giữa Công ty S và bà nhưng người lao động và người ký hợp đồng trên thực tế là bà Đặng Thị Kiều N, làm việc từ tháng 05/2012 đến tháng 8/2013. Hiện bà không có hợp đồng lao động này.

Điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội số 8012013560 ngày 11/7/2012 tên Tô Duyên T làm việc tại Công ty S thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 05/2012 đến tháng 08/2013 thành tên Đặng Thị Kiều N, để bà và bà N được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội của mình theo đúng quy định của pháp luật.

Bà tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động và xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đặng Thị Kiều N trình bày:

Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện và lời trình bày của bà Tô Duyên T. Năm 2012, bà có mượn giấy tờ tùy thân của bà T để xin việc làm tại Công ty S. Bà không còn giữ hợp đồng lao động với Công ty S. Đến tháng 8/2013, bà nhưng với tên của bà T xin nghỉ việc tại Công ty S và sử dụng thông tin thật của bà để tiếp tục làm việc tại Công ty S cho đến tháng 11/2023 thì nghỉ việc. Trong thời gian này, bà được Công ty S tham gia bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm xã hội mã số 8013035209 cấp ngày 01/11/2013 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An.

Đối với sổ bảo hiểm xã hội mã số 8012013560 ngày 11/7/2012 tên Tô Duyên T thì khi nghỉ việc vào tháng 08/2013, bà chưa lãnh chế độ bảo hiểm xã hội. Đối với sổ bảo hiểm xã hội mã số 8013035209 cấp ngày 01/11/2013 tên của bà thì bà đang lãnh bảo hiểm thất nghiệp.

Bà đồng ý điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội mã số 8012013560 tên Tô Duyên T thành tên của bà và đề nghị gộp sổ bảo hiểm xã hội này với sổ bảo hiểm xã hội số 8013035209 của bà theo quy định của pháp luật.

Bà xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An có ý kiến: Tháng 05/2012, Công ty S có kê khai đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN cho người lao động tên Tô Duyên T, sinh ngày 05/11/1992, số sổ BHXH được cấp là 8012013560, quá trình đóng BHXH, BHTN từ tháng 05/2012 đến tháng 08/2013, hiện chưa được duyệt hưởng trợ cấp BHXH một lần và chưa hưởng trợ cấp BHTN. Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty S đã được Tòa án tống đạt các văn bản và quyết định tố tụng hợp lệ nhưng Công ty vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động được xác lập giữa Công ty S với bà Tô Duyên T nhưng người lao động thật sự là bà Đặng Thị Kiều N; điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội mã số 8012013560 cấp ngày 11/7/2012 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An, thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 05/2012 đến tháng 08/2013 thành tên của bà Đặng Thị Kiều N, gộp sổ bảo hiểm xã hội này với sổ bảo hiểm xã hội số 8013035209 ngày 01/11/2013 của bà N. Bà T và bà N được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền của Tòa án: Bà Tô Duyên T khởi kiện bà Đặng Thị Kiều N, yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội. Bà Đặng Thị Kiều N có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ vào Khoản 5 Điều 32, điểm c Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

[1.2] Sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn và Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An có ý kiến xin xét xử vắng mặt. Công ty S đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng, giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227,

Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động: Bà Tô Duyên T và bà Đặng Thị Kiều N thống nhất trình bày vào năm 2012 bà T có cho bà N mượn giấy tờ tùy thân để bà N giao kết hợp đồng lao động với Công ty S, thời gian làm việc từ tháng 05/2012 đến tháng 08/2013. Công ty S đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng liên quan nhưng không có ý kiến phản hồi về toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T. Do đó, căn cứ theo Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định lời trình bày của bà T và bà N là đúng sự thật. Vào tháng 05/2012, bà Đặng Thị Kiều N đã sử dụng thông tin nhân thân của bà Tô Duyên T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty S. Trên hợp đồng lao động thì tên người lao động là bà Tô Duyên T, nhưng thực tế người ký hợp đồng lao động và người thực sự làm việc tại Công ty S là bà Đặng Thị Kiều N.

Từ đó, xác định giữa bà T và Công ty S không tồn tại quan hệ lao động, hợp đồng lao động. Thay vào đó, bà N mới là người lao động thật sự và có tồn tại quan hệ lao động, hợp đồng lao động với Công ty S theo quy định tại Điều 7, 27 Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi, bổ sung năm 2002; Khoản 1 Điều 3, Điều 7, 15 Bộ luật lao động năm 2012.

Tuy nhiên, bà N sử dụng thông tin của bà T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty S là không đảm bảo nguyên tắc trung thực khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi, bổ sung năm 2002, Điều 17 Bộ luật lao động năm 2012. Công ty S sử dụng lao động là bà N nhưng lại giao kết hợp đồng lao động theo thông tin của bà T nên Công ty S chưa thực hiện đúng quy định về việc tuyển dụng người lao động theo Điều 8 Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi, bổ sung năm 2002, Điều 7, 8 Nghị định số 39/2003/NĐ-CP ngày 18/4/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động về việc làm và Điều 18 Bộ luật lao động năm 2012.

Vậy nên, khi giao kết hợp đồng lao động, bà N và Công ty S đều vi phạm quy định của pháp luật lao động. Nay bà T yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động là có cơ sở. Căn cứ theo Khoản 4 Điều 166 Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi, bổ sung năm 2002, Khoản 1 Điều 50 Bộ luật lao động năm 2012, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Đặng Thị Kiều N (trên hợp đồng lao động ghi tên bà Tô Duyên T) với Công ty S trong thời gian từ tháng 05/2012 đến tháng 08/2013 bị vô hiệu toàn bộ.

[2.2] Yêu cầu điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội: Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An xác định vào tháng 05/2012 Công ty S có kê khai đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN cho người lao động tên Tô Duyên T, sinh ngày 05/11/1992, số sổ BHXH được cấp là 8012013560, quá trình đóng BHXH, BHTN từ tháng 05/2012 đến tháng 08/2013, hiện chưa được duyệt hưởng trợ cấp BHXH một lần và chưa hưởng trợ cấp BHTN.

Tuy nhiên, từ tháng 05/2012 đến tháng 08/2013, người lao động thực sự làm việc tại Công ty S là bà Đặng Thị Kiều N. Thời điểm tháng 05/2012, bà N đã đủ 15 tuổi theo quy định tại Điều 6 Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi, bổ sung năm 2002. Nay, bà T và bà N thống nhất điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội nêu trên thành tên của bà Đặng Thị Kiều N là có cơ sở, phù hợp với thực tế. Việc điều chỉnh này là bảo đảm đúng đối tượng lao động thật sự, phù hợp với quy định về bảo hiểm xã hội tại Điều 140 Bộ luật lao động năm 1994, Điều 15, 16, 20 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2006, Điều 18, 23 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, nên được chấp nhận, điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội mã số 8012013560 từ tên Tô Duyên T thành tên Đặng Thị Kiều N.

Ngoài ra, sau khi bà N (với tên của bà T) nghỉ việc tại Công ty S thì bà N tiếp tục sử dụng thông tin nhân thân của bà để xin việc tại Công ty S và được Công ty S đóng bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm xã hội mã số 8013035209 ngày 01/11/2013 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An, bà N làm tại Công ty S đến tháng 11/2023 thì nghỉ việc và hiện đang hưởng trợ cấp thất nghiệp. Nay, bà N yêu cầu gộp sổ bảo hiểm xã hội mã số 8012013560 với sổ bảo hiểm xã hội mã số 8013035209 là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Khoản 4 Điều 46 của Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về ban hành Quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp; quản lý sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế, nên được chấp nhận.

Bà N được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà N với Công ty S. Bà T được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà T với Công ty trách nhiệm hữu hạn Giày F.

[3] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc.

[4] Về án phí: Bà Tô Duyên T tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 32, điểm c Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, 7, 9, 27, 140, 166 của Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi, bổ sung năm 2002; Khoản 1 Điều 3, Điều 7, 15, 17, Khoản 1 Điều 50 của Bộ luật lao động năm 2012; Điều 15, 16, 20 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2006, Điều 18, 23 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Điều 7, 8 của Nghị định số 39/2003/NĐ-CP ngày 18/4/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động về việc làm; điểm a Khoản 1 Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tô Duyên T đối với bị đơn bà Đặng Thị Kiều N.

Tuyên bố Hợp đồng lao động được giao kết giữa bà Đặng Thị Kiều N (trên hợp đồng lao động ghi tên bà Tô Duyên T) với Công ty trách nhiệm hữu hạn S, trong thời gian từ tháng 5/2012 đến tháng 8/2013, bị vô hiệu toàn bộ.

Điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội mã số 8012013560 ngày 11/7/2012 cấp cho bà Tô Duyên T do Công ty trách nhiệm hữu hạn S nộp từ tháng 5/2012 đến tháng 8/2013 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An thành tên bà Đặng Thị Kiều N.

Bà Tô Duyên T được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Tô Duyên T với Công ty trách nhiệm hữu hạn Giày F.

Gộp sổ bảo hiểm xã hội do mã số 8012013560 ngày 11/7/2012 đã được điều chỉnh sang tên bà Đặng Thị Kiều N với sổ bảo hiểm xã hội mã số 8013035209 ngày 01/11/2013 cấp cho bà Đặng Thị Kiều N tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An thời gian tham gia từ tháng 10/2013 đến ngày bà N chấm dứt hợp đồng lao động tại Công ty trách nhiệm hữu hạn S.

Bà Đặng Thị Kiều N được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Đặng Thị Kiều N với Công ty trách nhiệm hữu hạn S tương ứng với thời gian tham gia bảo hiểm xã hội.

2. Về án phí: Bà Tô Duyên T tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm. Tạm ứng án phí bà Tô Duyên T có nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000497 ngày 20/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, chuyển sang án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THA huyện Cần Giuộc;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tô Cẩm Hương